| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH ĐỒNG THÁP** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 168/2017/DS-PT
Ngày: 11-8-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay, hợp đồng tặng cho tài sản và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Ngọc Vạng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Tấn Tặng

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Bảo Quốc - Cán bộ Tòa án nhân dân Tỉnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh***: Ông Phan Trung Quốc-Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2016/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2016.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2016/DS-ST ngày 21/10/2016 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 50A/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1953; địa chỉ: đường T, phường Q, quận P, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: đường Đ, phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trần Quang M, sinh năm 1987; địa chỉ: đường N, phường T, quận M, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: đường Đ, phường H, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thảo C, sinh năm 1979; địa chỉ: khóm P, thị trấn H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Lê Anh T, Văn phòng luật sư Lê Anh T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp; địa chỉ: Đường N, khóm P, thị trấn H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Y là nguyên đơn; chị Nguyễn Thảo C là bị đơn.

(các đương sự anh M, chị C, Luật sư T có mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Ngày 21 tháng 8 năm 2013 bà Nguyễn Thị Y có cho chị Nguyễn Thảo C (con ruột bà Y) vay số tiền 400.000.000đ để trả nợ Ngân hàng T-Chi nhánh S-Phòng giao dịch N (Ngân hàng MHB). Hai bên có lập Tờ thỏa thuận vay tiền, có chứng thực của UBND thị trấn H, huyện C, Đồng Tháp. Theo thỏa thuận khi chị C lấy giấy chứng nhận QSD đất thửa 4240, tờ bản đồ số 3 diện tích 2.44lm$^2$ do chị C đứng tên đang thế chấp ngân hàng về sẽ làm thủ tục chuyển QSD cho bà Y với điều kiện bà Y giao thêm cho chị C số tiền 305.000.000đ. Về lý do chị C ký tên chuyển nhượng thửa đất 4240 cho bà Y là vì phần đất này có nguồn gốc của bà ngoại bà Y (bà Nguyễn Thị S) cho bà Y nhưng chị C đã đi kê khai đứng tên QSD đất, còn về số tiền 305.000.000đ bà Y hứa giao thêm cho chị C là do bà Y thấy chị C đang gặp khó khăn nên giúp đỡ, khi nào chị C có tiền sẽ trả cho bà Y sau. Về thời hạn và cách thức trả vốn, lãi thỏa thuận như sau: Do anh Trần Quang M (con bà Y) có vay số tiền l.000.000.000đ tại Ngân hàng L trả vốn, lãi hàng tháng trong hạn 10 năm nên chị C có nghĩa vụ trả thay anh Minh trong thời hạn 05 năm đầu là hoàn thành trả vốn, lãi số tiền vay 400.000.000đ của bà Y.

Thực hiện Tờ thỏa thuận, trong ngày 21/8/2013 bà Yến đã giao 400.000.000đ cho chị C nhận để trả nợ ngân hàng. Tuy nhiên, chị C đã không thực hiện đúng tờ thỏa thuận là làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất 4240 cho bà Y mà chỉ giao cho bà

Y giữ 01 Giấy chứng nhận QSD đất thửa 46, tờ bản đồ số 29 diện tích 119m$^2$ và cũng không trả tiền hàng tháng cho Ngân hàng L nên bà Y không giao số tiền 305.000.000đ cho chị C.

Nay bà Nguyễn Thị Y yêu cầu chị Nguyễn Thảo C trả số tiền vốn vay 400.000.000đ và lãi cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

- Bị đơn chị Nguyễn Thảo C trình bày:

Chị C có vay số tiền 1.000.000.000đ tại Ngân hàng MHB để cho Trần Quang M (em cùng mẹ khác cha) vay lại 400.000.000đ. Do M chưa trả vốn cho chị C nên giữa chị C với bà Y có thỏa thuận bà Y cho chị C vay 400.000.000đ, thực tế là cấn trừ số nợ 400.000.000đ của M nhưng bà Y yêu cầu chị C phải lập tờ thỏa thuận vay tiền của bà Y để M lo làm trả nợ nên chị C cũng đồng ý. Đối với việc bà Y trình bày sau khi lấy giấy chứng nhận QSD đất thửa 4240 đang thế chấp ngân hàng ra chị C sẽ sang tên cho bà Y là không đúng, mà ngược lại bà Y phải ký lại thủ tục để cho chị C hợp thức QSD đối với một thửa đất khác là thửa 2229, tờ bản đồ 3 do thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa 2229 cho chị C trước đây không đúng qui định (bà ngoại chị C giả mạo chữ ký của bà Y trong hồ sơ đăng ký QSD đất). Nội dung này thể hiện rõ trong Tờ thỏa thuận: Bên A (Bà Y) làm thủ tục chuyển nhượng cho bên B (Bà C) mục đích để sau này không có tranh chấp và bà Y sẽ cho chị C số tiền 305.000.000đ vào ngày hôm sau (22/8/2013) nhưng bà Y đã không thực hiện việc ký tên chuyển nhượng đất và cho chị C số tiền 305.000.000đ. Chị C không thừa nhận trình bày của bà Y về việc chị C có nghĩa vụ trả vốn, lãi hàng tháng cho ngân hàng trong hạn 05 năm.

Đối với phần đất thửa 2229 hiện nay do bà Y có khiếu nại nên UBND Huyện đã thu hồi của chị C cấp lại cho bà Y đứng tên QSD nên chị C đang khởi kiện vụ án hành chính và không có yêu cầu gì liên quan đến việc chuyển nhượng QSD trong vụ kiện này. Chị C không có đưa Giấy chứng nhận QSDĐ thửa 46, diện tích 119m$^2$ cho bà Y mà do bà Y tự lấy.

Nay chị C không đồng ý trả vốn 400.000.000đ và lãi cho bà Y vì thời hạn trả 05 năm chưa hết. Chị C yêu cầu bà Y giao số tiền 305.000.000đ đã hứa cho chị C để cấn trừ số tiền 400.000.000đ. Đồng thời yêu cầu bà Y giao trả 01 Giấy chứng nhận QSD đất thửa 46, tờ bản đồ số 29 cho chị C vì chị C không có cầm cố, thế chấp,

chuyển nhượng phần đất này cho bà Y.

Ngoài ra, chị C có ý kiến đề nghị Tòa án đưa anh Trần Quang M, ông Trần Quang P (cha anh M) vào tham gia tố tụng trong vụ án để giải quyết số tiền anh M nợ chị C 400.000.000đ mà ông P là người bảo lãnh.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: Thời hạn 05 năm trong tờ thỏa thuận chưa hết nên bà Y chưa được kiện đòi chị C trả 400.000.000đ. Về Tờ thỏa thuận có nội dung không rõ ràng, đó là chị C có nhận 400.000.000đ từ bà Y và bà Y phải cho chị C 305.000.000đ nên chị C chỉ nợ bà Y 95.000.000đ. Luật sư xác định không có sự nhằm lẫn cụm từ bên A, bên B trong tờ thỏa thuận, đồng thời đề nghị Tòa án đưa anh Trần Quang M và ông Trần Quang P tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với lý do anh M có thiếu tiền của chị C.

Qua đó, luật sư đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Y) và chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn (chị C), buộc bà Y giao 305.000.000đ để cấn trừ số tiền 400.000.000đ và buộc bà Y trả lại giấy chứng nhận QSDĐ thửa 46 cho chị C.

- Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án huyện C đã quyết định:

Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thảo C trả số tiền vốn vay 400.000.000đ và lãi cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ kiện.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thảo C, buộc bà Nguyễn Thị Y giao trả 01 Giấy chứng nhận QSD đất quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất có số bìa BD 522560 do UBND huyện C cấp cho chị Nguyễn Thảo C ngày 06/4/2011 thuộc thửa 46, tờ bản đồ số 29 - TT. H có diện tích 119m$^2$ (Hiện bà Y đã giao nộp cho Tòa án).

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của chị Nguyên Thảo C về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Y giao cho chị C số tiền 305.000.000đ.

* Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Y nộp 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Y đã nộp 10.575.000đ theo biên lai số 18346 ngày 22/01/2014 và

1.725.000đ theo biên lai số 024268 ngày 10/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Sau khi khấu trừ hoàn trả cho bà Y nhận lại 12.100.000đ tiền tạm ứng án phí.

Chị Nguyễn Thảo C nộp 15.250.000đ án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phản tố mà chị C đã nộp 7.625.000đ theo biên lai số 028967 ngày 14/4/2015 và 200.000đ theo biên lai số 00010 ngày 14/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Sau khi khấu trừ chị C còn phải nộp tiếp 7.425.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 11 năm 2016 bà Nguyễn Thị Y và chị Nguyễn Thảo C kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Bà Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo và trình bày là yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ về việc chị C thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 4240 vay tiền Ngân hàng, để làm rõ tờ thỏa thuận ngày 21/8/2013 và yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản là quyền sử dụng đất của chị C để bảo đảm thi hành án, đối với diện tích 119m$^2$ thửa 46 tờ bản đồ số 49.

+ Chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố và không đồng ý chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Y và xem xét chấp nhận yêu cầu phản tố của chị C về việc yêu cầu bà Yến giao 305.000.000đ theo thỏa thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tỉnh ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý xem xét giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực

hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y và chị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét thấy bà Y yêu cầu chị C phải trả cho bà số tiền 400.000.000đ, việc bà Y yêu cầu trả nợ vay là căn cứ vào tờ thỏa thuận ngày 21/8/2013, theo đó thể hiện nội dung là bà Y cho chị C vay 400.000.000đ để trả nợ ngân hàng và để lấy giấy chứng nhận QSDĐ thửa số 4240 đang thế chấp Ngân hàng, sau đó làm thủ tục chuyển nhượng thửa đất này lại cho bà và bà sẽ cho chị C 305.000.000đ, số tiền này không tính vào số tiền vay, đồng thời số tiền vay được trả trong thời hạn 05 năm kể từ ngày thỏa thuận.

Chị C cho rằng, anh M (C và M là con bà Y) có vay của chị 400.000.000đ, nên bà Y đứng ra trả nợ thay, nhưng bà Y yêu cầu làm tờ thỏa thuận ghi nội dung là chị vay tiền của bà Y để anh M lo làm ăn trả nợ cho chị, đồng thời theo tờ thỏa thuận thì bà Y (bên A) phải làm thủ tục chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa 2229 lại cho chị (bên B) và bà Y cho chị 305.000.000đ.

[2] Bà Y và chị C đều thừa nhận việc lập tờ thỏa thuận ngày 21/8/2013 là hoàn toàn tự nguyện, đồng thời tại phiên tòa phúc thẩm anh M (đại diện theo ủy quyền của bà Y) và chị C cùng xác định theo thỏa thuận thì số tiền vay và số tiền hứa cho là hai khoản thỏa thuận khác nhau, cụ thể như sau:

+ Đối với số tiền vay:

Tờ thỏa thuận ghi nhận bà Y cho chị C vay số tiền 400.000.000 đồng, mục đích vay là để chị C chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp Ngân hàng và chị C phải trả tiền vay cho bà Y trong thời hạn 05 năm kể từ ngày thỏa thuận. Theo bà Y trình bày, do chị C không thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất cho bà nên bà yêu cầu chị C phải trả tiền vay trước hạn là không có cơ sở, vì nội dung tờ thỏa thuận không thể hiện trong trường hợp chị C không chuyển quyền sử dụng đất cho bà Y thì phải trả nợ vay trước hạn, đồng thời anh M và chị C cùng xác định theo thỏa thuận thì số tiền vay và số tiền hứa cho là hai khoản thỏa thuận khác nhau như đã nói trên; mặt khác bà Y cho rằng chị C không thực hiện việc

trả lãi hàng tháng cho Ngân hàng L là vi phạm thỏa thuận, nhưng tờ thỏa thuận ngày 21/8/2013 hoàn toàn không thể hiện nội dung này và chị C cũng không thừa nhận. Vì vậy, bà Y khởi kiện yêu cầu chị C trả nợ vay, nhưng chưa đến thời hạn 05 năm là chưa đủ điều kiện khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Y về việc đòi nợ vay là có cơ sở, nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Y.

+ Đối với khoản tiền 305.000.000 đồng:

Bà Y trình bày theo thỏa thuận thì chị C trả nợ Ngân hàng để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 4240 để thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất cho bà đứng tên giùm cho chị C và bà hứa sẽ cho chị 305.000.000 đồng để giải quyết khó khăn, nhưng nội dung tờ thỏa thuận ngày 21/8/2013 thể hiện là sau khi chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bên A (bà Y) sẽ chuyển nhượng lại cho bên B (chị C) là đánh máy bị sai. Đối với chị C trình bày nội dung tờ thỏa thuận thể hiện đúng ý chí của hai bên, cụ thể đó là do trước đây chị C đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 2229 thì bà ngoại của chị giả mạo chữ ký của bà Y trong hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất, nên bà Y phải ký lại thủ tục để hợp thức hóa quyền sử dụng đất cho chị, đồng thời bà Y cho chị số tiền 305.000.000 đồng.

Trên thực tế thì chị C không có thế chấp thửa đất nào mang số thửa 4240 vay tiền Ngân hàng, vì theo Công văn số 258/BIDV-CT ngày 27/7/2017 của Ngân hàng P -Chi nhánh  S-Phòng giao dịch C xác nhận chị C vay tiền chỉ có thế chấp thửa đất số 2229 và thửa số 73; đồng thời tờ thỏa thuận cũng không thể hiện nội dung việc bà Y ký tên để hợp thức hóa quyền sử dụng đất theo như trình bày của chị C. Tuy nhiên, anh Đỗ Minh Đ nguyên là cán bộ tư pháp thị trấn H trình bày, trước đây anh là người soạn thảo tờ thỏa thuận ngày 21/8/2013 và theo thỏa thuận thì chị C sẽ chuyển nhượng đất cho bà Y, nhưng do đánh máy sai là bên A (bà Y) chuyển nhượng đất cho bên B (chị C). Việc thỏa thuận chị C chuyển quyền sử dụng đất lại cho bà Y, nhưng không có quy định bắt buộc là phải thực hiện, vì bà Y cũng thừa nhận đây là quyền sử dụng đất hợp pháp của chị C, nhưng vì thấy chị C làm ăn không thuận lợi nên muốn sang tên qua cho bà để bà giữ đất giùm và bà cho chị C tiền để giải quyết khó khăn. Như vậy đối với phần thỏa thuận này thì nay hai bên không thực hiện việc chuyển quyền sử dụng đất cho nhau nữa, nên chị C yêu cầu bà Y cho chị 305.000.000đồng là không có cơ sở, do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần này.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Y yêu cầu Hội đồng xét xử áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng biện pháp phong tỏa tài sản của chị C để bảo đảm thi hành

án, đối với diện tích đất 119m$^2$ thuộc thửa số 46 tờ bản đồ số 29, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cấp cho chị C ngày 06/4/2011 đất tại thị trấn H, huyện C. Do HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm về việc đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Y về việc đòi chị C trả số tiền 400.000.000đ, vì vậy yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản để bảo đảm thi hành án là không có cơ sở nên không chấp nhận. Do đó hoàn trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà cho chị C là phù hợp pháp luật.

[4] Luật sư bảo vệ quyền lợi của chị C trình bày: Đề nghị căn cứ vào tờ thỏa thuận ngày 21/8/2013 để xem xét chấp nhận yêu cầu của chị C về việc yêu cầu bà Y phải thực hiện cho chị C số tiền 305.000.000 đồng, vì theo tờ thỏa thuận hoàn toàn không thể hiện có sự liên quan đến anh Đ là người soạn thảo văn bản này, mà nội dung tờ thỏa thuận đã thể hiện rõ việc bà Y cho chị C số tiền 305.000.000 đồng và bà chuyển quyền sử dụng đất cho chị C, nên việc trình bày của anh Đ là không thể chấp nhận được. Xét đề nghị của Luật sư là không có cơ sở như Hội đồng xét xử đã phân tích nói trên, nên không chấp nhận. Đối với đề nghị của Luật sư về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm về đình chỉ giải quyết yêu cầu của bà Y và buộc bà Y trả lại chị C giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Đại diện viện kiểm sát Tỉnh ý kiến về giải quyết vụ án:

Bà Y và chị C đều thừa nhận việc ký kết "Tờ thỏa thuận" ngày 21/8/2013 và bà Y đã giao cho chị C nhận số tiền 400.000.000đ.

Bà Y trình bày sau khi lấy giấy chứng nhận QSDĐ thửa 4240 của chị C đang thế chấp Ngân hàng ra thì chị C sẽ làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Y đứng tên. Tại công văn số 258/BIDV-CT ngày 27/7/2017 của Ngân hàng P- Chi nhánh S- Phòng giao dịch C xác nhận chị Thảo C không có thế chấp thửa đất số 4240 để vay. Còn chị C trình bày bà Y mới là người ký tên chuyển nhượng QSD đất cho chị C đứng tên đối với thửa 2229.

Việc bà Y cho rằng, chị C vi phạm nghĩa vụ trả tiền hàng tháng và không làm thủ tục chuyển QSD đất cho bà Y là đã vi phạm hợp đồng nên có quyền khởi kiện chị C nhưng không chứng minh được trình bày của bà là có căn cứ.

Đối với việc chị C phản tố yêu cầu bà Y giao số tiền 305.000.000đ để cấn trừ vào số tiền 400.000.000đ. Tại phiên tòa phúc thẩm chị C yêu cầu bà Y trả 305.000.000đ và chuyển nhượng QSDĐ cho chị. Xét thấy, yêu cầu trên của chị C là

không căn cứ nên không chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y và chị Nguyễn Thảo C.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát Tỉnh là có cơ sở như đã phân tích trên nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

Xét kháng cáo của chị C không đồng ý nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng yêu cầu phản tố không được chấp nhận, nên phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là có cơ sở. Do đó không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần này.

Bà Y và chị C mỗi người phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 200.000đ.

Bản án sơ thẩm xử đã có căn cứ pháp luật nên giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên cần điều chỉnh lại cách tuyên án.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 688 Bộ luật dân sự, Điều 203 Luật đất đai, Điều 27 Pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Y và chị Nguyễn Thảo C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

2. Đình chỉ việc giải quyết yêu cầu của bà Nguyễn Thị Y về việc yêu cầu chị Nguyễn Thảo C trả số tiền vốn và lãi đối với số tiền vay là 400.000.000đ.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thảo C.

Buộc bà Nguyễn Thị Y phải trả cho chị Nguyễn Thảo C 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà, diện tích đất 119m$^2$ thửa 46 tờ bản đồ số 29, số bìa BD 522560 cấp ngày 06/4/2011 do chị Nguyễn Thảo C đứng tên.

4. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Y phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 200.000đ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 10.575.000đ theo biên lai thu số 18346 ngày 22/01/2014 và 1.725.000đ theo biên lai số 024268 ngày 10/6/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Vậy bà Y được nhận lại số tiền 12.100.000đ.

Bà Y phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 200.000đ nhưng được khấu

trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo 200.000đ theo biên lai thu số 11747 ngày 04/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Chị Nguyễn Thảo C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.250.000đ, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí là 7.625.000đ theo biên lai số 028967 ngày 14/4/2015 và 200.000đ theo biên lai số 00010 ngày 14/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Vậy chị C còn phải nộp tiếp số tiền là 7.425.000đ.

Chị C phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm là 200.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo 200.000đ theo biên lai thu số 11741 03/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Phòng KTNV &THA- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Vạng**